

KẾ TOÁN VIỆT NAM TRONG XU HƯỚNG HỘI TỤ KẾ TOÁN QUỐC TẾ

ThS. Trần Quốc Thịnh
Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM

Tóm tắt: Trong thời gian qua, Bộ Tài chính đã ban hành 26 chuẩn mực kế toán (CMKT). Hệ thống CMKT Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng thông tin kế toán, hoàn thiện hành lang pháp lý trong hoạt động kế toán. Điều này đã khẳng định sự quyết tâm của Việt Nam trong việc xây dựng hệ thống CMKT mang tính chuẩn hóa, đáp ứng xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, hệ thống CMKT Việt Nam hiện hành còn một số bất cập trong khi xu thế quốc tế hiện nay đang hướng đến xây dựng hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRS) toàn cầu chất lượng cao. Yêu cầu mới này đòi hỏi mỗi quốc gia không riêng Việt Nam cần phải có những cải tiến nhất định về nội dung cũng như trong việc xây dựng lộ trình thích hợp nhằm tạo sự dung hòa để hướng đến đồng bộ mang tính hệ thống.

Từ khóa: Kế toán Việt Nam, chuẩn mực kế toán Việt Nam, hội tụ kế toán quốc tế.

Đặt vấn đề

Trong xu hướng toàn cầu hóa kinh tế đòi hỏi các quốc gia cần phải sử dụng ngôn ngữ kinh doanh chung nhằm giúp đảm bảo thông tin có thể so sánh trên phạm vi quốc tế. Đó là quá trình chuyển đổi từ hòa hợp sang hội tụ kế toán quốc tế. Hội tụ kế toán quốc tế mở ra kỷ nguyên mới trên nền tảng hệ thống IFRS chất lượng cao. Hội tụ kế toán ngày càng được sự quan tâm của các tổ chức quốc tế về kế toán cũng như các quốc gia trên thế giới. Trong dòng chảy đó Việt Nam cần có những điều chỉnh thích hợp nhằm đáp ứng tiến trình phát triển chung.

Hội tụ kế toán quốc tế và lợi ích của việc hội tụ kế toán

Hội tụ kế toán là thuật ngữ được sử dụng để chỉ việc phát triển chuẩn mực báo cáo tài chính (BCTC) chất lượng cao mang tính toàn cầu nhằm đảm bảo tính thống nhất về nguyên tắc kế toán chung ở phạm vi quốc tế.

Có thể thấy trong những thập niên gần đây, đặc biệt là từ đầu thế kỷ 21 đến nay, nền kinh tế quốc tế phát triển theo xu hướng toàn cầu hóa. Quá trình đầu tư xuyên quốc gia ngày càng phát triển. Hoạt động mua lại và sáp nhập (M&A) đã phát triển một cách mạnh mẽ và xu hướng này đã lan nhanh qua các nước châu Á. Các công ty đa quốc gia ngày càng mở rộng phạm vi hoạt động đến nhiều quốc gia trên thế giới cũng như làn sóng đầu tư xuyên quốc gia đã lan rộng toàn cầu. Điều này cho thấy việc hòa hợp tiến tới hội tụ kế toán nhằm giảm khoảng cách khác biệt giữa các quốc gia là yêu cầu cấp thiết để phát triển kinh tế quốc tế.

Để đáp ứng yêu cầu trên, năm 2001 Hội đồng CMKT quốc tế (IASB) đã được thành lập thay thế Ủy ban CMKT quốc tế (IASC). Mục đích của IASB là phát triển IFRS hướng tới hội tụ kế toán toàn cầu thông qua xây dựng một hệ thống chuẩn mực duy nhất để áp dụng cho tất cả các quốc gia, đặc biệt là đối với các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán (TTCK).

Những ích lợi của hội tụ kế toán quốc tế trước hết phải kể đến là các quốc gia sẽ thuận lợi trong việc tiếp cận với thị trường vốn quốc tế, tạo điều kiện phát triển kinh tế, làm gia tăng tiến trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới. Quá trình hội tụ kế toán thúc đẩy việc mua bán, sáp nhập công ty ở phạm vi quốc gia lẫn phương diện quốc tế được thuận lợi, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế của các quốc gia. Hệ thống kế toán chung thống nhất sẽ giúp so sánh thông tin kế toán giữa các quốc gia và nhờ vậy các nhà đầu tư (NĐT) sẽ giảm rủi ro khi dựa vào thông tin kế toán để ra quyết định. Các công ty đa quốc gia sẽ giảm bớt các khoản chi phí và thời gian khi lập và trình bày thông tin trên BCTC hợp nhất. Ngoài ra, các quốc gia đang phát triển sẽ tiếp cận hệ thống kế toán được chuẩn hóa và giảm đến mức thấp những chi phí của quốc gia để thực hiện quá trình soạn thảo, ban hành CMKT của mình.

Trước lợi ích không thể phủ nhận của hội tụ kế toán quốc tế, các tổ chức kế toán của các quốc gia trên thế giới ngày càng quan tâm đến vấn đề này. Nhiều quốc gia vì lợi ích của mình đã chủ động và tích cực tham gia bằng việc áp dụng IFRS thay thế CMKT quốc gia. Từ năm 2005, hệ thống IFRS đã được áp dụng tại hơn 65 quốc gia trong đó có châu Âu (EU), Úc, Hong Kong, Nam Phi, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á, các nước châu Mỹ La tinh, Braxin, Canada. IFRS đã được tiếp tục mở rộng ra nhiều quốc gia trong những năm gần đây. Theo một cuộc điều tra được thực hiện bởi Công ty Kiểm toán Deloitte với 174 quốc gia, kết quả cho thấy 122 quốc gia áp dụng IFRS và nếu so với những năm trước các quốc gia áp dụng IFRS ngày càng gia tăng đáng kể (Deloitte, 2011).

Như vậy, có thể nói hội tụ kế toán quốc tế là xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển kinh tế quốc tế. Các quốc gia đã gia nhập vào Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO) và là thành viên của Tổ chức Liên đoàn Kế

toán Quốc tế (IFAC), trong đó có Việt Nam cần xây dựng lộ trình hòa hợp để tiến tới sử dụng ngôn ngữ kinh doanh chung, một hệ thống IFRS chất lượng cao.

Thực trạng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

Tại Việt nam từ năm 2001 đến nay đã ban hành được 26 CMKT cụ thể:

– Năm 2001 lần đầu tiên 4 CMKT được ban hành gồm: Hàng tồn kho; Tài sản cố định hữu hình; Tài sản cố định vô hình, Doanh thu và thu nhập khác.

– Năm 2002, thêm 6 CMKT được ban hành gồm: Chuẩn mực chung, Thuê tài sản, Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, Hợp đồng xây dựng, Chi phí đi vay, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

– Năm 2003, thêm 6 CMKT được ban hành gồm: Bất động sản đầu tư; Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết; Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh; Trình bày BCTC, BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con; Thông tin về các bên liên quan.

– Năm 2005, thêm 10 CMKT được ban hành gồm: Thuế thu nhập doanh nghiệp; Trình bày bổ sung BCTC của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự; Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm; BCTC giữa niên độ; Báo cáo bộ phận, Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót; Hợp nhất kinh doanh; Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, Hợp đồng bảo hiểm; Lãi trên cổ phiếu.

Hệ thống CMKT Việt Nam được ban hành đã góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm nâng cao chất lượng thông tin kế toán. Việt Nam đã thể hiện quyết tâm xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống CMKT nhằm nâng cao chất lượng, tính minh bạch và trung thực

của thông tin. Điều này cho thấy, Việt Nam đã chủ động, tích cực để tiến tới xây dựng hệ thống CMKT xứng tầm quốc tế, đáp ứng xu thế phát triển tất yếu khách quan trong việc xây dựng CMKT chung toàn cầu chất lượng cao – hệ thống chuẩn mực BCTC.

Tuy nhiên, CMKT Việt Nam hiện hay vẫn còn những bất cập nhất định như:

– Khi xây dựng CMKT, Việt Nam đã điều chỉnh một số nguyên tắc ghi nhận, phương pháp đánh giá, trình bày và công bố thông tin theo những đặc điểm riêng của Việt Nam. Chính điều này đã tạo sự khác biệt giữa CMKT Việt Nam so với IFRS.

– Một số chuẩn mực quốc tế đã được ban hành nhưng Việt Nam vẫn chưa xúc tiến nghiên cứu, soạn thảo để ban hành cho phù hợp và như vậy dẫn đến sự thiếu tính thống nhất cũng như tính đồng bộ trong hệ thống CMKT Việt Nam (Bảng 1).

nhưng đến nay sau hơn 10 năm vẫn chưa được cập nhật để bổ sung, hoàn chỉnh cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của Việt Nam đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Điều này làm cản trở việc phát triển hệ thống CMKT cũng như sẽ gặp những giới hạn khi phải giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

Có thể thấy, thực trạng hệ thống CMKT Việt Nam hiện hành có thể phù hợp trong tương lai gần, tuy nhiên trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế thì hệ thống này khó có thể đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin chất lượng cao phục vụ cho việc phát triển kinh tế.

Xu hướng phát triển kinh tế Việt Nam – yêu cầu đối với thông tin kế toán

Việt Nam là một trong những quốc gia đang phát triển được các tổ chức quốc tế đánh giá cao về tiềm năng phát triển. Tốc độ phát

Bảng 1: Danh sách các CMKT quốc tế đã ban hành (Việt Nam chưa ban hành)

STT	Tên CMKT
01	IFRS 1 – Lần đầu áp dụng các chuẩn mực trình bày BCTC quốc tế
02	IFRS 2 – Thanh toán trên cơ sở cổ phiếu
03	IFRS 5 – Tài sản dài hạn nắm giữ để bán và hoạt động không liên tục
04	IFRS 6 – Thăm dò và đánh giá các tài nguyên khoáng sản
05	IFRS 7 – Các nội dung về công bố công cụ tài chính
06	IFRS 8 – Bộ phận kinh doanh
07	IFRS 9 – Công cụ tài chính
08	IFRS 10 – BCTC hợp nhất
09	IFRS 11 – Quản lý các hình thức liên doanh
10	IFRS 12 – Công bố lợi ích trong các doanh nghiệp khác
11	IFRS 13 – Đo lường theo giá trị hợp lý
12	IAS 19 – Phúc lợi cho người lao động
13	IAS 20 – Kế toán các khoản trợ cấp của chính phủ và trình bày các khoản hỗ trợ của chính phủ
14	IAS 26 – Kế toán và báo cáo quỹ hưu trí
15	IAS 29 – BCTC trong điều kiện nền kinh tế siêu lạm phát
16	IAS 32 – Công cụ tài chính: Trình bày
17	IAS 36 – Tổn thất tài sản
18	IAS 41 – Nông nghiệp

Nguồn: Tác giả tổng hợp

– Hệ thống CMKT từ khi ban hành lần đầu đến nay mặc dù đã có những góp ý sửa đổi

triển kinh tế cũng như môi trường chính trị ổn định là một trong những yếu tố góp phần

đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế trong khu vực và quốc tế. Thời gian qua, tiến triển kinh tế của Việt Nam phải kể đến việc phát triển của thị trường vốn thông qua TTCK, các hoạt động đầu tư xuyên quốc gia, nhu cầu mở rộng thị trường vốn của các doanh nghiệp Việt Nam khi niêm yết cổ phiếu ra TTCK nước ngoài. Sự phát triển này đòi hỏi chất lượng thông tin kế toán không ngừng được nâng cao và ngày càng hoàn thiện.

Thị trường chứng khoán Việt Nam

TTCK Việt Nam ngày càng phát triển cùng với sự gia tăng về số lượng NĐT cả trong và ngoài nước cho thấy một triển vọng đầy khả quan cho thị trường vốn Việt Nam. Quy mô số lượng các NĐT trên TTCK gia tăng một cách đáng kể trong thời gian qua. Tỷ lệ NĐT nước ngoài tham gia trên TTCK ngày càng gia tăng với tổng giá trị cổ phiếu do NĐT nước ngoài nắm giữ đạt 29,3% tính đến cuối tháng 8/2011 (Hữu Đạo, 2012). Hơn nữa, theo nhận định của các chuyên gia chứng khoán, tiềm năng của TTCK Việt Nam về trung và dài hạn, đặc biệt là thị trường cổ phiếu sẽ phát triển một cách nhanh chóng trong tương lai gần (Hồ Công Hưởng, 2010).

Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Đề án về tiến trình phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Mục tiêu chung của đề án là phát triển nhanh, đồng bộ, vững chắc thị trường vốn trong đó TTCK đóng vai trò chủ đạo; từng bước đưa thị trường vốn trở thành một cấu thành quan trọng của thị trường tài chính, góp phần đắc lực trong việc huy động vốn cho đầu tư phát triển và cải cách nền kinh tế; đảm bảo tính công khai, minh bạch. Ngoài ra theo Đề án này, Việt Nam sẽ phát triển đa dạng các công cụ tài chính như quyền chọn mua, quyền chọn bán chứng khoán; hợp đồng tương lai; hợp đồng kỳ hạn; các sản phẩm liên kết (chứng khoán – bảo hiểm, chứng khoán – tín dụng, tiết kiệm – chứng khoán...) và các công cụ tài chính khác (Chính phủ, 2007).

Hơn nữa, chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước đã được thể hiện trong chiến lược phát triển kinh tế đến năm 2020. Theo đó, khuyến khích phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với sở hữu hỗn hợp mà chủ yếu là các doanh nghiệp cổ phần để loại hình kinh tế này trở thành phổ biến trong nền kinh tế, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất kinh doanh và sở hữu. Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh, đa sở hữu (Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc Lần thứ XI, 2011).

Đây là một trong những yếu tố giúp cho TTCK gia tăng về qui mô, nguồn vốn tài chính sẽ dồi dào và đặc biệt đẩy mạnh gia tăng số lượng NĐT tiềm năng. Một khi TTCK phát triển thì việc nâng cao tính trung thực và minh bạch thông tin của các đơn vị là một trong những điều kiện tiên quyết. Do đó nâng cao chất lượng thông tin cũng như thông tin cần được chuẩn hóa là vấn đề rất cần được sự quan tâm và đầu tư đúng mức.

Quá trình đầu tư xuyên quốc gia

Trong những năm qua, quá trình đầu tư xuyên quốc gia đã có những tiến triển nhất định tại Việt Nam. Diễn đàn M&A Việt Nam năm 2010 cho rằng, Việt Nam có tới 345 thương vụ M&A được công bố với tổng giá trị giao dịch lên tới 1,7 tỷ USD, tăng 65% về giá trị so với năm 2009. Đây là mức giao dịch M&A có giá trị lớn nhất từ trước đến nay. Trên thị trường Việt Nam có nhiều thương vụ rất đáng chú ý, có ý nghĩa và tác động lớn đến nền kinh tế Việt Nam như FPT – EVN Telecom, Dược Viễn Đông – Dược Hà Tây, Tiết kiệm Bưu điện – Ngân hàng Liên Việt, Thiên Minh mua chuỗi khách sạn Victoria... Theo báo cáo khoảng 17% doanh nghiệp tại Việt Nam có định hướng kế hoạch về M&A trong ba năm tới và trong thời điểm 2011, hoạt động M&A sẽ bùng nổ ở ba lĩnh vực: sản xuất, tài chính ngân hàng và hàng tiêu dùng (Nguyễn Hiền, 2011).

Hơn nữa, hãng tin tài chính Bloomberg của Mỹ ngày 06/4/2010 đã đánh giá cao môi trường đầu tư tại Việt Nam và nhấn mạnh Việt Nam đang trở thành địa chỉ đầu tư hấp dẫn các tập đoàn đa quốc gia như Intel, Samsung, Toyota hay Microsoft... James Lockett, luật sư của công ty Baker & McKenzie LLP và thành viên Phòng Thương mại Mỹ tại Việt Nam cho rằng nhiều công ty quốc tế lớn đang xem xét thiết lập các cơ sở sản xuất tại các nước ASEAN, trong đó Việt Nam là một địa chỉ rất hấp dẫn (Thông tấn xã Việt Nam, 2010). Ngoài ra, nghiên cứu định kỳ của hãng tư vấn quốc tế A.T. Kearney trên báo Business Week cho thấy Việt Nam đứng ở vị trí thứ 12 về tiềm năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) (Mai Phương, 2010).

Việc đầu tư xuyên quốc gia trong đó phải kể đến M&A và FDI để phát triển tạo nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế đang đặt ra cho Việt Nam phải giải quyết một số vấn đề cấp thiết như hoàn thiện môi trường pháp lý, các nguyên tắc được chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế.

Nhu cầu niêm yết cổ phiếu của các công ty ra thị trường chứng khoán nước ngoài

Theo cam kết WTO về biểu cam kết dịch vụ trong phần 7 mục C về lĩnh vực chứng khoán qui định rằng trong năm năm nữa Việt Nam sẽ rộng cửa cho các doanh nghiệp nước ngoài niêm yết cổ phiếu tại Việt Nam và ngược lại các công ty trong nước có thể niêm yết thẳng trên sàn nước ngoài mà không cần phải niêm yết trước tại sàn nội địa (WTO, 2007). Do vậy, các chính sách nhà nước không chỉ quan tâm đến các công ty nước ngoài đầu tư và niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam mà còn tạo điều kiện các công ty trong nước được niêm yết trên TTCK quốc tế. Điều này thể hiện trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán 62/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 01/7/2011 và Nghị định 84/2010 NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 14

về qui định chi tiết một số điều trong luật chứng khoán về những quy định áp dụng cho doanh nghiệp Việt Nam niêm yết chứng khoán ở nước ngoài.

Việc niêm yết cổ phiếu tại thị trường quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam trở thành một chủ đề chính của hội nghị phát triển thị trường vốn diễn ra tại Hà Nội. Những công ty và các ngân hàng như Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Á Châu (ACB), Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk) và Công ty Viễn thông FPT đã được nhắc đến trong tiến trình niêm yết cổ phiếu ra nước ngoài. Hiện tại, Việt Nam đã có một số công ty niêm yết cổ phiếu ra nước ngoài như công ty Cavico được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại sàn giao dịch chứng khoán NASDAQ với mã chứng khoán là CAVO vào ngày 18/9/2009 và cuối tháng 3/2011, Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai đã chính thức công bố việc niêm yết và giao dịch 24,3 triệu chứng chỉ lưu ký toàn cầu (GDR) tại Sở Giao dịch Chứng khoán London (LSE), huy động 60 triệu USD phục vụ đầu tư vào dự án (Cavico, 2010).

Một trong những thách thức lớn nhất đối với các công ty niêm yết trên TTCK nước ngoài là BCTC phải được lập trên cơ sở tuân thủ theo IFRS. Tuck Seng Tham, lãnh đạo phụ trách thị trường vốn của Công ty kiểm toán Price Waterhouse Coopers Singapore cho rằng các công ty Việt Nam đã lập BCTC theo CMKT Việt Nam cần phải nghĩ đến việc lập BCTC theo IFRS trước khi có kế hoạch niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán nước ngoài (Pricewaterhouse Coopers Vietnam, 2009).

Tóm lại, trong xu hướng phát triển kinh tế của Việt Nam cho thấy hệ thống CMKT hiện hành như đã phân tích trên không thể đáp ứng nhu cầu thông tin chất lượng cao. Do vậy, để phát triển kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế cũng như đáp ứng xu thế hội tụ kế toán quốc tế và nhằm nâng cao vị

thế của Việt Nam ở tầm quốc tế, Việt Nam cần thiết phải xây dựng chuẩn mực BCTC để đáp ứng yêu cầu trong tiến trình phát triển chung. Đây là cơ hội và thách thức cho một quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Tuy nhiên, sự chủ động và chuẩn bị lộ trình phù hợp sẽ giúp Việt Nam có những định hướng và chiến lược đúng đắn trong phát triển kinh tế.

Hội tụ kế toán – xu hướng phát triển tất yếu của Việt Nam

Trong thời gian qua, Việt Nam đã tham gia vào các tổ chức kinh doanh, tổ chức kế toán trong khu vực và quốc tế. Năm 2007, Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO. Khi gia nhập các tổ chức này, Việt Nam đã ký các cam kết đa phương về tuân thủ nguyên tắc được quy định trong các hiệp định của WTO trong đó có những qui định đối với hoạt động kế toán. Đây là những nguyên tắc mang tính ràng buộc đối với mọi thành viên nhằm mục đích đưa hệ thống luật lệ và cơ chế điều hành thương mại của các nước thành viên phù hợp chuẩn mực chung. Vì thế, Việt Nam phải thực thi những điều khoản, các thỏa ước cũng như qui định đã cam kết đối với các hoạt động kinh tế như sự bình đẳng trong kinh doanh, minh bạch trong thông tin, tuân thủ các nguyên tắc, luật lệ chung. Điều này cũng đồng nghĩa các hoạt động kinh tế nói chung Việt Nam không thể tiếp tục áp dụng theo các luật và qui định mang tính pháp lý đặc thù riêng có mà tiến tới phải được chuẩn hóa theo xu hướng quốc tế.

Bên cạnh đó, Việt Nam là thành viên của Hiệp hội Kế toán các nước Đông Nam Á (AFA) và đồng thời là thành viên của IFAC. Đã là thành viên của các tổ chức này, Việt Nam phải tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc, những phương pháp kế toán trong khu vực và quốc tế. Điều này được cụ thể hóa trong những cam kết của Bộ Tài chính đối với IFAC về việc áp dụng hoàn toàn IFRS

tại Việt Nam. Đây là một trong những nội dung quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu là đến năm 2020, Việt Nam phải hội nhập hoàn toàn với quốc tế trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Để có thể hòa hợp tiến đến hội tụ kinh tế quốc tế, Việt Nam cần giải quyết nhiều vấn đề nhằm nắm bắt cơ hội để phát triển nhanh nhưng đảm bảo tính ổn định và bền vững. Do vậy, Việt Nam cần chủ động xây dựng lộ trình để tiến tới thiết lập hệ thống chuẩn mực BCTC đáp ứng xu thế hội nhập tiến tới hội tụ quốc tế về kế toán. Theo đó, hệ thống chuẩn mực BCTC Việt Nam phải được xây dựng dựa trên IFRS cũng như thông lệ các quốc gia trên thế giới và phù hợp với đặc điểm của Việt Nam, quốc gia đang phát triển. Ngoài ra, với những đặc điểm riêng về môi trường kinh tế, pháp lý và văn hóa nên khi soạn thảo chuẩn mực BCTC Việt Nam cần điều chỉnh một số các qui định trong IFRS để áp dụng cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm tránh những biến động, bất ổn cho quốc gia.

Kết luận

Hệ thống CMKT Việt Nam hiện nay có thể đảm bảo những yêu cầu nhất định đối với hoạt động kinh tế hiện tại. Tuy nhiên trong tương lai với sự xuất hiện ngày càng nhiều loại hình kinh doanh, nghiệp vụ phức tạp cũng như với xu hướng quốc tế hóa các bất cập trong hệ thống CMKT Việt Nam hiện hành sẽ là các trở ngại cho Việt Nam trong tiến trình phát triển. Việt Nam cần phải có những cải tiến nhất định trong hệ thống chuẩn mực nhằm tạo sự hòa hợp và xa hơn nữa là tiến tới hội tụ kế toán quốc tế. Đây là điều thiết yếu có ý nghĩa quan trọng và thiết thực cho Việt Nam để hướng đến hội nhập kinh tế toàn cầu. Khi đó kế toán Việt Nam sẽ được nâng cao vị thế trên tầm quốc tế cũng như đáp ứng xu thế hội tụ kế toán quốc tế ■

Tài liệu tham khảo

1. Cavico (2010). Cavico được chấp thuận niêm yết tại Nasdaq. <http://cavicoct.com/modules.php?name=News&opcase=detailsnews&mcid=2&mid=140>.
2. Chính phủ (2007). Quyết định số 128/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=268&mode=detail&org_group_id=0&org_id=0&type_group_id=0&type_id=0&document_id=34845.
3. Deloitte (2011). Use of IFRS by Jurisdiction. <http://www.iasplus.com/country/useias.htm>.
4. Dougnik, T., & Perera, H. (2007). International Accounting. In Print.
5. Hồ Công Hoàng (2010). Thị trường chứng khoán Việt Nam, 10 năm nhìn lại, báo Đầu tư chứng khoán. <http://www.vinacorp.vn/news/thi-truong-chung-khoan-viet-nam-10-nam-nhin-lai/ct-405865>.
6. Hữu Đạo (2012). Vì sao tiền đổ mạnh vào trái phiếu?. <http://iife.edu.vn/news/80/20120228101458161/vi-sao-tien-do-manh-vao-trai-phieu.htm>
7. Mai Phương (2010). Top 10 điểm đến FDI năm 2010. <http://vneconomy.vn/2010030805183923p0c99/top-10-diem-den-fdi-nam-2010.htm>.
8. Nguyễn Hiền (2011). Bùng nổ hàng loạt thương vụ M&A lớn năm 2011. <http://dantri.com.vn/c76/s76-482167/bung-no-hang-loat-thuong-vu-ma-lon-nam-2011.htm>.
9. Pricewaterhouse Coopers Vietnam (2009). PricewaterhouseCoopers Vietnam tư vấn việc niêm yết sàn giao dịch chứng khoán Singapore. <http://www.pwc.com>.
10. Thông tấn xã Việt Nam (2010). Việt Nam: địa chỉ hấp dẫn các công ty đa quốc gia. <http://www.baomoi.com/Viet-Nam-dia-chi-hap-dan-cac-cong-ty-da-quoc-gia/45/4096753.epi>.
11. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI (2011). Chiến lược phát triển kinh tế. <http://www.nhandan.com.vn/cm-link/nhandandientu/thoisu/daihoixi/vankiendaihoi/chi-n-l-c-phat-tri-n-kinh-t-x-h-i-2011-2020-1.289127>
12. WTO (2007). Biểu cam kết về dịch vụ. www.ttnn.com.vn/NewsAttachment.ashx?id=3333&type=pdf.